

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa 12 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Y tế thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2422/TTr-SYT ngày 06 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 12 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Y tế thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Y tế dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi Bộ Y tế ban hành quyết định đơn giản hóa các thủ tục hành chính theo Phương án này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Phòng KSTT (HCT), TTPVHCC;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.



Cao Văn Trọng

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

1. Nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực dược phẩm (10 TTHC):

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.

- Cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

- Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

- Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

- Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất, thuốc phóng xạ.

- Đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.

- Đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.



- Đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất.

- Đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề dược” hoặc “ *Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề dược (kèm bản chính để đối chiếu)*”.

- Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Bởi vì, các thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chứng chỉ hành nghề dược chỉ cần bản sao (có đối chiếu bản gốc) là đủ thông tin để cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân và tổ chức.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm c,d khoản 2 Điều 38 của Luật Dược 105/2016/QH 13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 như sau:

“c) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề dược *hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp (kèm bản chính để đối chiếu)* hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.

d) Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề *hoặc Bản sao chứng chỉ hành nghề (kèm bản chính để đối chiếu)*”.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa TTHC: 1.046.263.326 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa TTHC: 932.451.496 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 113.811.830 đồng/năm.

- Tỷ lệ (%) cắt giảm chi phí: 10.87 %.

II. Nhóm 02 thủ tục hành chính lĩnh vực được phẩm:

- Cấp chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề được nhưng chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được) theo hình thức xét hồ sơ.

- Điều chỉnh nội dung chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “ Bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân” hoặc “*Bản sao giấy chứng minh nhân dân (kèm bản chính để đối chiếu)*”.

- Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức cá nhân khi nộp hồ sơ. Bởi vì, các thông tin trên căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu chỉ cần bản sao (có đối chiếu bản gốc) là đủ thông tin để cơ quan chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân và tổ chức.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 6 Điều 24 của Luật Được 105/2016/QH 13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 như sau”

“6. Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu *hoặc Bản sao căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (kèm bản chính để đối chiếu)*”.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa TTHC: 6.336.040 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa TTHC: 4.675.160 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.660.880 đồng/năm.

- Tỷ lệ (%) cắt giảm chi phí: 26.2 %.